

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2026/DS-PT
Ngày 23-3-2026
“V/v tranh chấp quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Đức Dương.

Các Thẩm phán tham gia: Ông Dương Hà Ngân và ông Nguyễn Hồng Chương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Vương Thị Bắc – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng - Cơ sở 02, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2026/TLPT-DS ngày 12 tháng 01 năm 2026 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2025/DS-ST ngày 21-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2026/QĐXXPT-DS ngày 21-01-2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 28/QĐPT-DS ngày 03-02-2026 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Doãn Minh Đ (đã chết ngày 14-01-2021) và bà Lê Thị M.

Người thừa kế tham gia tố tụng của ông Đ: Bà Lê Thị M (vợ ông Đ); địa chỉ: Số E, đường Q, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị M: Ông Y Thanh L (Giấy ủy quyền ngày 08-9-2020 và ngày 06-5-2022); địa chỉ: Bon P, xã T, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Minh T; địa chỉ: Số A, đường L, phường Đ, tỉnh Lâm Đồng - Có mặt.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Thị M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 09-11-2020 của bà Lê Thị M, ông Doãn Minh Đ và ông Y Thanh L (người đại diện theo ủy quyền), trong quá trình giải quyết vụ án:

1.1. Ngày 15-5-2005, ông Doãn Minh Đ và bà Lê Thị M viết giấy nhận chuyển nhượng 01 thửa đất của ông Trần Phú T1, cụ thể: giáp đường QL14 là 5,4m, chiều dài 70m, tổng diện tích 270m², với giá 25.000.000 đồng. Đến ngày 27-12-2005, gia đình ông Đ được Ủy ban nhân dân (UBND) thị xã G, tỉnh Đắk Nông cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số AD 035816, thửa đất số 21G, tờ bản đồ số 10, diện tích 250m², tại phường N (nay là tổ dân phố B N, phường N, tỉnh Lâm Đồng). Năm 2008, ông Đ và bà M đóng cọc bê tông làm ranh giới với ông Bùi Minh T, sau đó cọc bị nhỏ mất. Khi xây nhà, tường nhà ông T lấn sang diện tích đất 29m². Năm 2011, ông Đ và bà M khởi kiện, tại biên bản xác định mốc ranh giới ngày 17-01-2013, ông T xác nhận do sơ suất đã xây lấn khoảng 60cm² và hứa khắc phục nên ông bà rút đơn.

1.2. Hiện nay các bên không thỏa thuận được, bà M yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Gia Nghĩa (nay là Tòa án nhân dân khu vực 6 – L) buộc ông T trả lại diện tích đất lấn chiếm theo kết quả đo đạc là 36,3m² và tháo dỡ tài sản trên đất.

2. Bị đơn ông Bùi Minh T trình bày:

2.1. Năm 2003, ông T nhận chuyển nhượng đất của ông Nguyễn Gia H, chiều rộng giáp QL14 là 05m, chiều dài 70m, có tứ cận: phía Đông giáp đất ông Nguyễn Xuân T2, bà Ngô Thị T3, phía Tây giáp QL14 (nay là đường N), phía Nam giáp đất ông Đinh Xuân T4 (nay là ông Doãn Minh Đ), phía Bắc giáp đất ông Phạm Hồng T5 (nay là ông Nguyễn Đăng T6), nguồn gốc đất: Giấy sang nhượng viết tay giữa gia đình ông T2, bà T3 (là chủ đất cũ) với ông H năm 1999 có xác nhận của cán bộ thôn N. Ngày 01-12-2003, ông T được cấp GCNQSDĐ số K564274, thửa 54, tờ bản đồ 23, diện tích 220m².

2.2. Tại biên bản xác định mốc giới ngày 17-01-2013 của Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa (cũ), ông T trình bày: do sơ suất khi thi công, phía sau nhà có lấn sang phần đất của ông Đ với chiều ngang 02cm, chiều dài 30cm. Tuy nhiên, khi kiểm tra lại thì số liệu này không chính xác vì diện tích lấn có dạng hình tam giác, nếu có thì chỉ khoảng 1/2 diện tích nêu trên, tương đương khoảng 30cm². Ông T đề nghị đo đạc lại thực tế; nếu có lấn khoảng 30cm² thì ông đồng ý khắc phục, trả lại; phần còn lại không lấn chiếm như yêu cầu của nguyên đơn.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm:

3.1. Ông Nguyễn Xuân T2 trình bày: Gia đình ông sinh sống liên tục từ năm 1987 đến nay (năm 2026). Khoảng năm 1999, ông Đinh Xuân D và bà Đặng Thị T7 đứng ra nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và trực tiếp trả tiền cho các anh Hà Tiến D1, Lê Văn H1, Đinh Tiến D2, Nguyễn Gia H và Phạm Hồng T5, mỗi người 05m chiều rộng theo Quốc lộ A. Ranh giới được tính từ tường nhà ông T2 (xây năm 1998), theo hướng Nam - Bắc, chiều dài 70m tính từ tim đường Quốc lộ 14 kéo dài về phía Đông (bao gồm cả hành lang giao thông). Giá chuyển nhượng là 900.000 đồng/m theo chiều rộng, đồng thời thỏa thuận bằng lời nói cho thêm 02m chiều rộng để các anh H1, Tiến D2, H và T5 làm đường đi chung ra phía sau. Ngày 28-11-1999, ông T2 đã viết “GIẤY SANG NHƯỢNG ĐẤT THỔ CƯ” cho các anh Hà Tiến D1, Lê Văn H1, Đinh Tiến D2, Nguyễn Gia H và Phạm Hồng T5 kèm theo lược đồ mỗi người 05m x 70m (đất chưa đo đạc, giải thửa) và có xác nhận của người làm chứng; việc giao đất thực địa được thực hiện bằng thước dây. Sau đó, ông Đinh Xuân D và các anh nêu trên thực hiện thủ tục và được cấp GCNQSDĐ diện tích bao nhiêu và đã chuyển nhượng cho nhiều người ông không biết cụ thể. Đến năm 2008–2009, Nhà nước thu hồi khoảng 34m chiều sâu để mở rộng Quốc lộ A (nay là đường N). Hiện nay ranh giới đất các hộ vẫn được tính từ tường nhà ông T2 (xây năm 1998). Khoảng năm 2000, ông Hà Tiến D1 làm nhà đã lấn sang phần đất của ông T2 với chiều rộng 30cm. Do đó, ngày 29-01-2003, ông T2 viết giấy chuyển nhượng phần đất có chiều rộng 30cm, chiều dài 70m (phía Nam giáp đất ông T2) cho ông D1 để hợp thức hóa phần diện tích lấn chiếm, với số tiền 900.000 đồng. Căn nhà này sau đó đã bị giải tỏa và bồi thường vào khoảng năm 2007, 2008. Ngoài ra, ngày 29-01-2003, ông T2 còn viết giấy tặng cho ông Hà Tiến D1 với nội dung tặng thêm 02m chiều rộng, được chia đều cho 05 người đã nhận chuyển nhượng đất theo giấy sang nhượng ngày 28-11-1999. Tuy nhiên, thực tế tại thời điểm giao đất năm 1999, diện tích chuyển nhượng bao gồm cả phần đất thuộc hành lang giao thông Quốc lộ 14; đồng thời do đặc điểm địa hình dốc và tuyến đường cong nên chiều rộng thực tế lớn hơn so với hiện trạng sau khi Nhà nước thu hồi đất để mở rộng đường như hiện nay.

3.2. Ông Đinh Xuân D và Đặng Thị T7 trình bày: Nội dung ông T2 trình bày là đúng. Tuy nhiên, thực tế ông Hà Tiến D1 chỉ đề nghị nhận chuyển nhượng 04m chiều rộng theo Quốc lộ A và được gia đình ông T2 cho thêm riêng 01m chiều rộng; nếu nhận tiền thì không cho đất. Ngoài ra, gia đình ông T2 còn tặng cho 04 người gồm các ông H1, Đinh Tiến D2, Nguyễn Gia H và Phạm Hồng T5 02m chiều rộng để

làm đường đi chung. Tuy nhiên, sau đó ông Hà Tiến D1 đã lấy lại số tiền 1.000.000 đồng nên thực tế chỉ được sử dụng 04m chiều rộng. Khi ông Hà Tiến D1 xây dựng nhà ở thì đã lấn sang phần đất của gia đình ông T2 (vượt quá 04m chiều rộng), nên đã mua thêm phần đất 30cm x 70m để hợp thức hóa. Đến cuối năm 1999, ông Tạ Văn H2 nhận chuyển nhượng đất của ông T2 (giáp đất ông Phạm Hồng T5). Các bên thống nhất giao ranh giới thực địa tính từ vị trí nhà ông T2 đến thửa đất của ông T5 là 26m theo hướng Nam – Bắc, đến ranh giới đất của ông H2.

3.3. Bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Năm 2016, gia đình bà L1 nhận chuyển nhượng của anh Hà Tiến D1 thửa đất số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 205m² (trên đất đã có căn nhà), ranh giới đất giáp với ông Nguyễn Xuân T2 rõ ràng. Sau đó, gia đình bà L1 đã sửa chữa căn nhà, nhưng vẫn giữ nguyên hiện trạng ranh giới ban đầu như biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 06-3-2026 của Tòa án. Nội dung tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn, gia đình bà Lưu K liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Đăng Q trình bày: Năm 2019, anh Q nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và được Sở Tài nguyên - Môi trường tỉnh Đ cấp GCNQSDĐ thửa đất số 316, tờ bản đồ số 10, diện tích 218m² (trên đất đã có căn nhà hiện nay); có ranh giới giáp nhà bà L1 và sử dụng ổn định, không tranh chấp với ai. Nội dung tranh chấp đất giữa nguyên đơn và bị đơn, anh Q không liên quan và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2025/DSST ngày 21-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 – Lâm Đồng, quyết định:

1) Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Doãn Minh Đ và bà Lê Thị M về việc yêu cầu bị đơn ông Bùi Minh T phải trả lại diện tích đất lấn chiếm tại tổ dân phố B N, phường N, tỉnh Lâm Đồng là 36,3m² và di dời toàn bộ tài sản trên đất.

2) Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.

5. Ngày 25-11-2025, nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, theo hướng chấp nhận nhận yêu cầu khởi kiện.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Căn cứ để nguyên đơn xác định diện tích anh Bùi Minh T lấn chiếm 36,3m² đất là ranh giới thửa đất của anh Lê Văn H1 (thửa đất số 56, tờ bản đồ số 23 đã được xây dựng nhà kiên cố trước đó) để xác định chiều rộng 05m giáp đường N và biên bản

xác định mốc giới ngày 17-01-2013. Bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

7. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án số: 60/2025/DS-ST ngày 21-11-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến các đương sự, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

1. Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về nội kháng cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

2.1. Năm 1999, ông Đinh Xuân D và bà Đặng Thị T7 thỏa thuận nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân T2 và bà Ngô Thị T3 diện tích đất có chiều rộng giáp QL14 là 25m, chiều dài 70m, tọa lạc tại thôn N, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (đất chưa được đo đạc, giải thửa theo quy định) cho các anh Hà Tiến D1, Lê Văn H1, Đinh Tiến D2, Nguyễn Gia H và Phạm Hồng T5. Ngoài ra, ông T2 còn thỏa thuận bằng lời nói tặng cho thêm 02m chiều rộng theo QL14 để các anh nêu trên làm đường đi chung ra phía sau. Tại “GIẤY SANG NHƯỢNG ĐẤT THỔ CƯ” ngày 28-11-1999 giữa ông Nguyễn Xuân T2 và các anh Hà Tiến D1, Lê Văn H1, Đinh Tiến D2, Nguyễn Gia H và Phạm Hồng T5 (có xác nhận của ông Nguyễn Văn S là Trưởng thôn N), ghi nhận: diện tích chuyển nhượng theo thứ tự từ hướng Nam qua hướng Bắc cho mỗi người là 05m x 70m, kèm theo lược đồ (bao gồm cả diện tích đất nằm trong hành lang giao thông Quốc lộ A và chưa được đo đạc, giải thửa – các bút lục số 43, 44, 45):

2.1.1. Ngày 08-3-2003, ông Đinh Tiến D2 viết giấy chuyển nhượng cho ông Nguyễn Phú T8 diện tích đất 5,4m x 70m, có tứ cận: phía Đông giáp đất ông T2, phía Tây giáp Quốc lộ A, phía Nam giáp đất ông Nguyễn Văn H3, phía Bắc giáp đất ông Nguyễn Gia H. Đến ngày 19-5-2005, ông Nguyễn Phú T8 tiếp tục chuyển nhượng diện tích đất trên cho ông Doãn Minh Đ (đất chưa được cấp GCNQSDĐ). Ngày 27-

12-2005, ông Doãn Minh Đ được cấp GCNQSDĐ số AD 035816, thửa đất số 21G, tờ bản đồ số 10, diện tích 250m².

2.1.2. Đối với diện tích đất ông Bùi Minh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Gia H, có tứ cận: phía Đông giáp đất ông T2, phía Tây giáp QL14, phía Nam giáp đất ông Đinh Tiến D2 (đã chuyển nhượng cho ông Đ) và phía Bắc giáp đất ông Phạm Hồng T5. Ngày 01-12-2003, ông T được cấp GCNQSDĐ số K564274, thửa đất số 54, tờ bản đồ số 23, diện tích 220m².

2.2. Căn cứ Bản đồ giải thửa số 23, thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Đắk Lắk (cũ), được đo đạc, phê duyệt tháng 12-2000 và các tài liệu do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ cung cấp (bút lục số 479), cùng lược đồ kèm theo “GIẤY SANG NHƯỢNG ĐẤT THỔ CƯ” ngày 28-11-1999 (bút lục số 43), có căn cứ xác định số thửa và diện tích đất của từng người theo thứ tự theo N-B, cụ thể: anh Hà Tiến D1 thửa số 57, diện tích 200m²; anh Lê Văn H1 thửa số 56, diện tích 210m²; anh Đinh Tiến D2 thửa số 55, diện tích 230m²; anh Nguyễn Gia H thửa 54, diện tích 220m² và anh Phạm Hồng T5 thửa đất số 53, diện tích 220m². Tại các Quyết định số 1374, 1375 ngày 04-6-2008 của UBND thị xã G, tỉnh Đắk Nông, đã thu hồi một phần diện tích đất của các thửa nêu trên để mở rộng Quốc lộ A (bao gồm cả phần hành lang giao thông). Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Xuân T2 và các hộ đang sử dụng đất hiện nay đều xác định ranh giới phía Đông ổn định, không có sự thay đổi:

2.2.1. Thực tế, anh Hà Tiến D1 sử dụng đúng vị trí thửa đất đã nhận chuyển nhượng (thửa số 57, tờ bản đồ số 23, đo đạc năm 2000). Tuy nhiên, ngày 04-4-2003, anh Hà Tiến D1 lại kê khai đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 230m² (bút lục số 382), và đến ngày 01-12-2003 được cấp GCNQSDĐ (vị trí thửa đất này thực tế thuộc quyền sử dụng của ông Đinh Tiến D2). Đối với thửa đất số 55, tờ bản đồ số 23, ngày 19-5-2005, ông Trần Phú T1 chuyển nhượng cho ông Doãn Minh Đ. Đến ngày 25-5-2005, ông Doãn Minh Đ kê khai thửa đất số 21G, tờ bản đồ số 10, diện tích 250m² (bút lục số 356) và được cấp GCNQSDĐ ngày 27-12-2005, thực tế không đúng vị trí thửa đất và tờ bản đồ đã nhận chuyển nhượng.

2.2.2. Đối với diện tích đất ông Bùi Minh T nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Gia H, ngày 01-12-2003 đã được cấp GCNQSDĐ thửa số 54, tờ bản đồ số 23, diện tích 220m². Ngoài ra, thửa đất số 55, tờ bản đồ số 23, diện tích 230m², năm 2014 được tặng cho bà Hà Thị L2, đến ngày 15-11-2016 ông Đặng Văn Q1 và bà Nguyễn Thị Lưu N1 chuyển nhượng thửa đất này. Đối với thửa đất số 56, tờ bản đồ

23 của ông Lê Văn H1 đã chuyển nhượng nhiều lần, hiện nay người sử dụng là ông Nguyễn Đăng Q.

2.3. Căn cứ các biên bản thẩm định tại chỗ ngày 14-3-2025 và ngày 06-3-2026; kết quả đo đạc ngày 25-6-2025 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đ và ngày 06-3-2026 của Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh L (các bút lục số 276, 299, 408, 476), hiện trạng sử dụng các thửa đất có chiều rộng phía Tây giáp Quốc lộ A (nay là đường N) như sau: Ông Đặng Văn Q1 (nhận chuyển nhượng từ anh Hà Tiến D1): 5,51m; anh Nguyễn Đăng Q (nhận chuyển nhượng từ anh Lê Văn H1): 5,50m; ông Doãn Minh Đ (nhận chuyển nhượng từ ông Đinh Tiến D2): 4,22m; ông Bùi Minh T (nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Gia H): 4,82m; anh Phạm Hồng T5 (đã chuyển nhượng cho người khác): 5,03m; chiều rộng phía Đông lần lượt là: 5,50m; 5,40m; 3,91m; 5,16m; 3,80m; chiều dài các thửa đất 57, 56, 55, 54 và 53 từ 40,56m đến 42,11m. Tổng chiều rộng phía Tây của 05 thửa đất trên là 25,23m; chiều rộng theo phía Đông là 24,03m. Như vậy, thực tế các hộ đang sử dụng các thửa đất số 56 và 57 từ bản đồ số 23 có chiều rộng phía Tây lớn hơn 01m và chiều rộng phía Đông cũng lớn hơn 01,10m so với so với diện tích đất đã được cơ quan có thẩm quyền đo đạc, giải thửa và phê duyệt tháng 12 năm 2000. Trong khi, thửa đất số 54, từ bản đồ số 23 anh T đang sử dụng có chiều rộng phía Tây là 4,82m và chiều rộng phía Đông là: 5,16m; thửa đất số 53, từ bản đồ số 23 (giáp thửa đất ông T) có chiều rộng phía T9 là: 5,03m và chiều rộng phía Đông là: 3,80m. Như vậy, nguyên đơn trình bày lấy ranh giới thửa đất số 54, từ bản đồ số 23 (tường xây gia đình anh Nguyễn Đăng Q đang sử dụng) để đo đạc và xác định diện tích đất bị lấn chiếm là không phù hợp, mà phải căn cứ mốc giới đất gia đình ông Nguyễn Xuân T2 đang sử dụng (tường xây căn nhà bếp xây dựng năm 1998 còn hiện hữu) để xác định ranh giới, diện tích đối với các thửa đất trên đã được đo đạc, giải thửa và phê duyệt theo quy định của pháp luật.

2. 4. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2025/DSST ngày 21-11-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6-Lâm Đồng

3. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm, các chi phí tố tụng và được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166, Điều 170 của Luật Đất đai năm 2013, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên

Bản án dân sự sơ thẩm số: 60/2025/DSST ngày 21-11-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Lâm Đồng: Bác yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M về việc buộc anh Bùi Minh T lấn chiếm của gia đình nguyên đơn diện tích 36,3m² đất, cụ thể: phía Tây: 0,97m, phía Đông: 0,90m và phía Bắc: 39m, tọa lạc tại tổ dân phố B N, phường N, tỉnh Lâm Đồng.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 147 và 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2026 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bà Lê Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào 600.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại các Biên lai số 0002439 ngày 09-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Gia Nghĩa, Đ và số 0010068 ngày 08-12-2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSNDKV 6- Lâm Đồng;
- TANDKV 6-Lâm Đồng;
- THADS KV 6, Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu: THCTP, Tòa DS, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lương Đức Dương

